

Họ và tên:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 4

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 5**Bộ sách: Cánh diều***Thời gian làm bài: 40 phút***I. TRẮC NGHIỆM** (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Hỗn số $4\frac{9}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 4,09 B. 4,99 C. 4,9 D. 4,009

Câu 2. Điền dấu phù hợp để được phép tính đúng:

$$25,3 \dots\dots\dots 3,9 = 29,2$$

- A. “+” B. “-” C. “x” D. “:”

Câu 3. Kết quả của phép tính $522,3 : 1000$ là:

- A. 5,223 B. 0,5223 C. 522 300 D. 0,05223

Câu 4. Bao gạo cân nặng 65 kg. Vậy 45% bao gạo đó cân nặng:

- A. 26 kg B. 29,25 kg C. 30,5 kg D. 28,75 kg

Câu 5. Người ta phơi 15 kg củ sắn tươi thì thu được 6 kg củ sắn khô. Hỏi lượng nước trong củ sắn tươi đã mất đi là bao nhiêu phần trăm?

- A. 40 % B. 60 % C. 30 % D. 70 %

Câu 6. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 7 500, khu đất xây dựng khu công nghiệp là hình chữ nhật có chiều rộng 8 cm. Chiều rộng thật của khu đất là:

- A. 6 km B. 60 m C. 0,6 km D. 937 m

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Tính giá trị biểu thức

a) $8,64 : (1,46 + 3,34) + 6,32$

b) $(2,34 + 0,87 - 1,5) \times 6 + 9,756$

.....

c) $7,5 + 6,5 + 5,5 + 4,5 + 3,5 + 2,5$

d) $96,28 \times 3,527 + 3,527 \times 3,72$

.....

Câu 2. Viết số hoặc số thập phân thích hợp điền vào chỗ trống là:

a) $3 \text{ km}^2 57690 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ km}^2$

b) $4 \text{ tấn } 8 \text{ tạ} = \dots\dots\dots \text{ tấn}$

c) $230 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

d) $18,97 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$

Câu 3. Một người bỏ tiền vốn ra là 2 300 000 đồng để mua trái cây về nhà bán. Sau khi bán hết số trái cây đó thì được lãi 20 % so với số tiền vốn mua trái cây. Hỏi người đó bán hết số trái cây được bao nhiêu tiền?

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Trên một bản đồ có tỉ lệ 1 : 250, người ta đo được chiều dài của mảnh vườn là 2 cm, chiều rộng của mảnh vườn bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài của mảnh vườn.

a) Tính chiều dài, chiều rộng thực tế của mảnh vườn.

b) Bác Minh muốn rào xung quanh mảnh vườn và làm cổng vào rộng 2 m thì cần mua bao nhiêu mét rào?

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hỗn số $4\frac{9}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 4,09 B. 4,99 C. 4,9 D. 4,009

Phương pháp

Áp dụng cách viết $\frac{1}{100} = 0,01$

Lời giải

Ta có $4\frac{9}{100} = 4,09$

Đáp án: A

Câu 2. Điền dấu phù hợp để được phép tính đúng:

$$25,3 \dots\dots\dots 3,9 = 29,2$$

- A. “+” B. “-” C. “x” D. “:”

Phương pháp

Thực hiện phép tính để chọn dấu thích hợp

Lời giải

Ta có $25,3 + 3,9 = 29,2$

Đáp án: A

Câu 3. Kết quả của phép tính $522,3 : 1000$ là:

- A. 5,223 B. 0,5223 C. 522 300 D. 0,05223

Phương pháp

Muốn chia một số thập phân cho 10; 100; 1 000; ... ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba, ... chữ số.

Lời giải

Ta có $522,3 : 1000 = 0,5223$

Đáp án: B

Câu 4. Bao gạo cân nặng 65 kg. Vậy 45% bao gạo đó cân nặng:

- A. 26 kg B. 29,25 kg C. 30,5 kg D. 28,75 kg

Phương pháp

Muốn tìm giá trị phần trăm của một số, ta lấy số đó chia 100 rồi nhân với số phần trăm

Lời giải

45% bao gạo đó cân nặng là $65 : 100 \times 45 = 29,25$ (kg)

Đáp án: B

Câu 5. Người ta phơi 15 kg củ sắn tươi thì thu được 6 kg củ sắn khô. Hỏi lượng nước trong củ sắn tươi đã mất đi là bao nhiêu phần trăm?

- A. 40 % B. 60 % C. 30 % D. 70 %

Phương pháp

- Tìm số kg nước trong sắn tươi = Số kg sắn tươi – số kg sắn khô
- Tìm tỉ số phần trăm lượng nước trong sắn tươi

Lời giải

Số kg nước trong sắn tươi là: $15 - 6 = 9$ (kg)

Lượng nước trong củ sắn tươi đã mất đi chiếm số phần trăm là:

$$9 : 15 = 0,6 = 60\%$$

Đáp án: B

Câu 6. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 7 500, khu đất xây dựng khu công nghiệp là hình chữ nhật có chiều rộng 8 cm. Chiều rộng thật của khu đất là:

- A. 6 km B. 60 m C. 0,6 km D. 937 m

Phương pháp

Chiều rộng thật của khu đất = chiều rộng trên bản đồ x số lần thu nhỏ của bản đồ

Lời giải

Chiều rộng thật của khu đất là: $8 \times 7\,500 = 60\,000$ (cm)

Đổi: $60\,000$ cm = 0,6 km

Đáp án: C**II. TỰ LUẬN****Câu 1.** Tính giá trị biểu thức

- a) $8,64 : (1,46 + 3,34) + 6,32$ b) $(2,34 + 0,87 - 1,5) \times 6 + 9,756$
 c) $7,5 + 6,5 + 5,5 + 4,5 + 3,5 + 2,5$ d) $96,28 \times 3,527 + 3,527 \times 3,72$

Phương pháp

a, b) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước

c) Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng

d) Áp dụng công thức $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 8,64 : (1,46 + 3,34) + 6,32 &= 8,64 : 4,8 + 6,32 \\ &= 1,8 + 6,32 \\ &= 8,12 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 \text{b) } (2,34 + 0,87 - 1,5) \times 6 + 9,756 &= (3,21 - 1,5) \times 6 + 9,756 \\
 &= 1,71 \times 6 + 9,756 \\
 &= 10,26 + 9,756 \\
 &= 20,016
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 \text{c) } 7,5 + 6,5 + 5,5 + 4,5 + 3,5 + 2,5 &= (7,5 + 2,5) + (6,5 + 3,5) + (5,5 + 4,5) \\
 &= 10 + 10 + 10 \\
 &= 30
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 \text{d) } 96,28 \times 3,527 + 3,527 \times 3,72 &= 3,527 \times (96,28 + 3,72) \\
 &= 3,527 \times 100 \\
 &= 352,7
 \end{aligned}$$

Câu 2. Viết số hoặc số thập phân thích hợp điền vào chỗ trống là:

a) $3 \text{ km}^2 57690 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ km}^2$

b) $4 \text{ tấn } 8 \text{ tạ} = \dots\dots\dots \text{ tấn}$

c) $230 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

d) $18,97 \text{ ha} = \dots\dots \text{ km}^2$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ m}^2 = \frac{1}{1000000} \text{ km}^2$; $1 \text{ tạ} = \frac{1}{10} \text{ tấn}$

$1 \text{ dm}^2 = \frac{1}{100} \text{ m}^2$; $1 \text{ ha} = \frac{1}{100} \text{ km}^2$

Lời giải

a) $3 \text{ km}^2 57690 \text{ m}^2 = \mathbf{3,057690} \text{ km}^2$

b) $4 \text{ tấn } 8 \text{ tạ} = \mathbf{4,8} \text{ tấn}$

c) $230 \text{ dm}^2 = \mathbf{2,3} \text{ m}^2$

d) $18,97 \text{ ha} = \mathbf{0,1897} \text{ km}^2$

Câu 3. Một người bỏ tiền vốn ra là 2 300 000 đồng để mua trái cây về nhà bán. Sau khi bán hết số trái cây đó thì được lãi 20 % so với số tiền vốn mua trái cây. Hỏi người đó bán hết số trái cây được bao nhiêu tiền?

Phương pháp

Số tiền lãi = Số tiền vốn : 100 x số phần trăm

Số tiền thu được = số tiền vốn + số tiền lãi

Lời giải

Số tiền lãi của người đó là:

$$2\,300\,000 : 100 \times 20 = 460\,000 \text{ (đồng)}$$

Người đó bán hết số trái cây được số tiền là:

$$2\,300\,000 + 460\,000 = 2\,760\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 2 760 000 đồng

Câu 4. Trên một bản đồ có tỉ lệ 1 : 480, người ta đo được chiều dài của mảnh vườn là 2 cm, chiều rộng của mảnh vườn bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài của mảnh vườn.

a) Tìm diện tích mảnh vườn trong thực tế.

b) Bác Minh muốn rào xung quanh mảnh vườn và làm cổng vào rộng 2 m thì cần mua bao nhiêu mét rào?

Phương pháp

a) Độ dài thực tế = Độ dài trên bản đồ x số lần thu nhỏ

Diện tích = chiều dài x chiều rộng

b) Số mét rào = (chiều dài + chiều rộng) x 2 – số mét cổng vào

Lời giải

a) Chiều dài thực tế của mảnh vườn hình chữ nhật là:

$$2 \times 480 = 960 \text{ (cm)} = 9,6 \text{ m}$$

Chiều rộng thực tế của hình chữ nhật là:

$$9,6 : 4 = 2,4 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật là:

$$9,6 \times 2,4 = 23,04 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Bác Minh cần mua số mét rào là:

$$(9,6 + 2,4) \times 2 - 2 = 22 \text{ (m)}$$

Đáp số: a) Diện tích: 23,04 m²

b) 22 m